

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hơn.

Ông Nguyễn Văn Bút.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

*Địa chỉ:* ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Khoa Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt).

*Địa chỉ:* ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị Dương Thị H và

anh Nguyễn Khoa Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04 tháng 8 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do mất lòng tin, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, anh Đ không lo làm ăn, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân rồi hàn gắn lại nhiều lần nhưng cuộc sống vẫn không có hạnh phúc, lần ly thân cuối cùng là từ năm 2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Con chung chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2015 hiện nay đang sống chung với chị, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu K và cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không có yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Khoa Đ trình bày:* Anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình xét xử; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ, về con chung chị H trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2015, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu, về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh Nguyễn Khoa Đ có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[2]. Bị đơn anh Nguyễn Khoa Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt anh Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04 tháng 8 năm 2009, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình hôn nhân, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đã mất lòng tin, không còn tin tưởng nhau, anh Đ không lo làm ăn, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nay chị H cương quyết ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án có nguyện vọng được hàn gắn đoàn tụ với chị H để cùng nhau chăm sóc con chung. Xét thấy nguyện vọng được đoàn tụ của anh Đ không được sự đồng ý của chị H, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ cũng không đưa ra được giải pháp nào có tính thuyết phục chị H để vợ chồng có thể hàn gắn đoàn tụ, thời gian trước đây anh chị sống ly thân cũng đã hàn gắn nhiều lần nhưng cuối cùng cũng không đạt kết quả. Ngoài ra anh Đ vắng mặt không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2015 hiện nay đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu K và cháu A đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại 02 cháu K và A đang sống chung với chị H và nguyện vọng của 02 cháu muốn tiếp tục sống chung với chị H, do đó để bảo đảm ổn định trong cuộc sống và học tập của 02 cháu thiết nghĩ nên để cho chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng để bảo đảm chi phí trong cuộc sống, học tập của 02 cháu sau này nên buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là phù hợp.

[5]. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung, đối với anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án anh có trình bày về việc sẽ yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh Đ không làm đơn yêu cầu, không giao nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo trong thời gian do Tòa án ấn định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này những người có quyền, lợi ích liên quan có yêu cầu thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị **H** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh **Đ** phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[7]. Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Dương Thị H.**

Chị **Dương Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Khoa Đ.**

[2]. Về con chung:

Chị **Dương Thị H** trực tiếp nuôi 02 cháu **Nguyễn Duy K**, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2010 và **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2015 hiện nay đang sống chung với chị **H**; anh **Nguyễn Khoa Đ** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu **K** và cháu **A** đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về chia tài sản khi ly hôn:

Không xem xét giải quyết.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Án phí ly hôn chị **Dương Thị H** phải nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000125, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên chị **Dương Thị H** không phải nộp thêm; án phí cấp dưỡng anh **Nguyễn Khoa Đ** phải nộp số tiền 300.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6]. Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án) (1b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (Đăng ký kết hôn số: 103, ngày 04 tháng 8 năm 2009) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Việt Thiện**